

# Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh phổ thông

Nguyễn Thị Thanh\*<sup>1</sup>, Phan Thị Bích Lợi<sup>2</sup>,  
Hà Thị Thúy<sup>3</sup>

\* Tác giả liên hệ

<sup>1</sup> Email: thanhnt@gesd.edu.vn

<sup>2</sup> Email: loiptb@gesd.edu.vn

<sup>3</sup> Email: thuyht@gesd.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
101 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm,  
Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 hiện nay, việc xây dựng công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác có ý nghĩa quan trọng giúp giáo viên và học sinh có công cụ hỗ trợ dạy và học cũng như đánh giá đúng theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất. Xây dựng được bộ công cụ tường minh, chính xác và dễ sử dụng là mục tiêu của mỗi nhà nghiên cứu cũng như giáo viên. Bài viết trình bày kinh nghiệm quốc tế đối với quan niệm về năng lực giao tiếp, hợp tác, xây dựng công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác của một số nước/khu vực như Anh, Indonesia, một số nước Châu Âu. Từ kinh nghiệm quốc tế, bài viết đưa ra một số nhận định, đề xuất cho việc xây dựng công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác của học sinh phổ thông trong thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**TỪ KHÓA:** Năng lực giao tiếp và hợp tác, Khoa học tự nhiên, công cụ đánh giá, công cụ đánh giá năng lực.

→ Nhận bài 28/11/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 05/12/2023 → Duyệt đăng 15/3/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410311>

## 1. Đặt vấn đề

Năng lực giao tiếp và hợp tác (được xem là một trong những năng lực quan trọng của con người trong xã hội hiện đại. Trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018, năng lực giao tiếp và hợp tác là một trong ba nhóm năng lực chung cần phải hình thành và phát triển cho học sinh. Đây là nhóm năng lực cốt lõi cần phát triển ở học sinh, giúp học sinh có khả năng thích ứng, hội nhập và qua đó phát triển năng lực bản thân. Năng lực giao tiếp và hợp tác được hình thành và phát triển qua các cấp học, các môn học và hoạt động giáo dục. Bài viết trình bày kinh nghiệm quốc tế về năng lực giao tiếp, hợp tác, xây dựng công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác của một số nước trên thế giới, từ đó đưa ra một số nhận định, đề xuất cho việc xây dựng công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác của học sinh phổ thông trong thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm liên quan

#### 2.1.1. Năng lực giao tiếp và hợp tác

Giao tiếp và hợp tác là một phần thiết yếu của cuộc sống vì chúng ta tương tác với người khác hàng ngày. Giao tiếp và hợp tác cũng chuẩn bị cho học sinh vững tin bước vào thế kỉ XXI vì chúng cần thiết cho sự thành công trong học tập, nghề nghiệp và cuộc sống. Chính vì thế, năng lực giao tiếp và hợp tác được nhiều nhà khoa

học quan tâm nghiên cứu.

**Năng lực giao tiếp:** Khái niệm về “Năng lực giao tiếp” lần đầu được xuất hiện trong năm 1971 khi nhà ngôn ngữ học Hymes phân biệt hai loại năng lực: năng lực ngữ pháp và năng lực sử dụng. Theo Hymes: *Năng lực sử dụng là khả năng vận dụng các năng lực ngữ pháp nhằm đảm bảo các phát ngôn phù hợp với các tình huống cụ thể; từ đó khái niệm “Năng lực giao tiếp” được hình thành [1].* Năng lực giao tiếp là năng lực vốn có của người nói để hiểu một tình huống trao đổi ngôn ngữ và trả lời một cách thích hợp, bằng ngôn ngữ hay không bằng ngôn ngữ. Hiểu ở đây đồng nghĩa với việc đối chiếu một ngữ nghĩa không chỉ dưới hình thức quy chiếu, nghĩa học, nội dung của thông điệp, mà còn rất có thể là một hành vi, hoạt động tại lời và bởi lời có chủ đích.

Ngoài ra, Sandra Savignon cũng có các nghiên cứu về năng lực giao tiếp, tác giả định nghĩa: *Năng lực giao tiếp như là sự diễn đạt, lí giải và đàm phán ý nghĩa liên quan đến sự tương tác giữa hai hoặc nhiều hơn hai người hay giữa một người với một văn bản viết hoặc nói [2].* Theo Brown và cộng sự, *giao tiếp là hành động truyền tải ý đồ của một chủ thể tới một chủ thể khác thông qua việc sử dụng các dấu hiệu, biểu tượng và các quy tắc giao tiếp mà cả hai bên cùng hiểu. Năng lực giao tiếp là khả năng trao đổi thông tin, ý tưởng và phản hồi cũng như cùng nhau hướng tới một mục tiêu chung [3].* Ngoài ra, Pratama cho rằng: “Giao tiếp là

một quá trình có mục đích nhằm thể hiện, tiếp nhận và hiểu các thông điệp chứa thông tin thực tế, cảm xúc, ý tưởng và nhu cầu của hai hoặc nhiều cá nhân thông qua các kí hiệu chung” [4].

Như vậy, mặc dù có nhiều cách diễn đạt khác nhau nhưng có thể thấy rằng, các tác giả đều nhấn mạnh khả năng trình bày, diễn đạt những suy nghĩ, quan điểm, nhu cầu, mong muốn, cảm xúc của bản thân dưới hình thức nói, viết hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách phù hợp với đối tượng giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp và văn hóa; đồng thời biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác ngay cả khi bất đồng quan điểm.

**Năng lực hợp tác:** Năng lực hợp tác được nghiên cứu từ rất sớm, các công trình của các nhà khoa học như Dewey, Edwards K., Devries D., Coleman E., Glasser W. đã nói về khía cạnh xã hội của việc học tập, vận dụng học tập hợp tác vào thực tiễn lớp học, thúc đẩy việc sử dụng mối quan hệ hợp tác giữa học sinh với nhau.

Theo Elaine và các cộng sự [5]: *Hợp tác là quá trình các thành viên trong nhóm hoặc các nhóm làm việc hoặc hành động cùng nhau vì lợi ích chung. Năng lực hợp tác là những gì giúp mọi người làm việc tốt với người khác, bao gồm hiểu biết nhiều quan điểm khác nhau, quản lí các ưu tiên của mọi người trong nhóm và đáp ứng kì vọng với tư cách là thành viên đáng tin cậy của nhóm.* Theo Dawson [6]: *Năng lực hợp tác là khả năng hợp tác làm việc với người khác trong nhiều bối cảnh khác nhau, bao gồm học tập hợp tác, tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề và ra quyết định. Các kĩ năng năng lực hợp tác bao gồm: (1) Tự điều chỉnh, (2) Tìm kiếm quan điểm, (3) Nhìn nhận quan điểm và (4) Giao tiếp.* Bên cạnh đó, có nhiều tác giả khác như Slavin (1990), Rosenshine, Meister (1994) và Renkl (1995) (Lalayants, 2013)... đã làm rõ vai trò quan trọng của năng lực hợp tác trong cuộc sống. Họ cho rằng, năng lực hợp tác liên quan chặt chẽ nhất đến nhận thức về bản thân và người khác, vượt qua những thành kiến, tìm kiếm và đánh giá thông tin cũng như tìm kiếm và làm việc với phản hồi. Những kĩ năng này là cốt lõi của việc học tập trong suốt cuộc đời chúng ta vì chúng là cơ chế để chúng ta tiếp nhận và xử lí thông tin. Theo ACER [7], năng lực hợp tác đề cập đến năng lực của một cá nhân đóng góp hiệu quả trong một nhóm. Điều này liên quan đến sự kiên trì, đóng góp vào kiến thức của nhóm, đánh giá cao đóng góp của những người khác và giải quyết sự khác biệt. Sự hợp tác hiệu quả liên quan đến sự phân công lao động với những người tham gia tích cực vào cuộc thảo luận dẫn đến kết quả là sự tổng hợp các nỗ lực của họ.

**Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Có ít nhà nghiên cứu coi giao tiếp và hợp tác là một năng lực. Họ cho rằng, giao tiếp và hợp tác thường đi với nhau, bổ trợ nhau.

Thông qua các kĩ năng giao tiếp và hợp tác, người học có thể làm việc cùng với những người khác trong các tình huống, hoàn cảnh khác nhau để đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, khi nghiên cứu sâu hơn quá trình dạy học khoa học, Sharma & Anderson (2009) tuyên bố rằng giao tiếp và hợp tác là những năng lực cần thiết trong cuộc sống thực tế và trong cả học tập, nghiên cứu khoa học, bởi vì những khám phá khoa học xảy ra giữa các nhà khoa học khi họ hợp tác với nhau [8]. Do đó, điều quan trọng là phát triển các năng lực giao tiếp và hợp tác để người học có thể làm việc cùng nhau, trong các nhóm khác nhau như một đội để đối mặt giải quyết với các vấn đề gặp phải.

Giao tiếp diễn ra trong quá trình học tập cả giữa giáo viên với người học và giữa người học với nhau có thể dưới hình thức giao tiếp bằng lời hoặc giao tiếp phi ngôn ngữ. De Vito (1992: 92) tuyên bố rằng, các đặc điểm của giao tiếp giữa các cá nhân hiệu quả được đánh dấu bằng năm đặc điểm, đó là Tính cởi mở (Openness), Đồng cảm (Empathy), Hỗ trợ (Supportiveness), Tích cực (Cảm giác tích cực) và Bình đẳng [9]. Giao tiếp hiệu quả khi ý tưởng được truyền đạt liên quan rất chặt chẽ với các kĩ năng hợp tác, chẳng hạn như làm việc hiệu quả bằng cách phân chia nhiệm vụ, thỏa hiệp với nhau để đạt được mục tiêu và chia sẻ trách nhiệm để hợp tác làm việc.

Bên cạnh đó, Johnson & Johnson (2004) cho rằng, học tập hợp tác cung cấp cho học sinh sự hiểu biết, kĩ năng và thái độ là kết quả của các tương tác xảy ra trong quá trình làm việc nhóm [10]. Các kĩ năng hợp tác hiệu quả thể hiện đặc điểm của sự phụ thuộc lẫn nhau tích cực, tương tác trực tiếp trong hợp tác, ý thức trách nhiệm cá nhân trong việc hoàn thành các nhiệm vụ chung và nhu cầu về kĩ năng giao tiếp giữa các cá nhân và hợp tác nhóm. Kĩ năng giao tiếp và hợp tác của người học trong quá trình học tập môn khoa học cần được phát triển. Quan điểm này có ý nghĩa to lớn đối với việc học tập, bởi vì nó cho thấy học sinh có vai trò tích cực hơn nhiều trong việc học của chính họ so với vai trò được tìm thấy trong lớp học. Giao tiếp cho phép con người hợp tác trên quy mô rất lớn [11].

Có thể nói, ở những góc nhìn khác nhau, các tác giả đều nhấn mạnh tầm quan trọng của kĩ năng giao tiếp, chắc chắn rằng rất khó để tách chúng ra khỏi kĩ năng hợp tác. Năng lực giao tiếp, hợp tác giúp chúng ta biết chung sống và làm việc với người khác, biết gắn bó con người với xã hội trong giới hạn toàn cầu hóa sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng sâu rộng.

## 2.1.2. Đánh giá năng lực

### a. Quan niệm về đánh giá năng lực

Năng lực là những thuộc tính lâu dài của cá nhân có ảnh hưởng đến hiệu suất học tập, lao động cũng như vui

chơi, giải trí. Đánh giá năng lực là quá trình thu thập, phân tích, xử lý và giải thích chứng cứ về những thuộc tính của cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, từ đó xác định nguyên nhân, đưa ra những biện pháp cải thiện việc dạy và việc học.

**b. Tiêu chí đánh giá năng lực**

Tiêu chí (Criteria) là yếu tố (định lượng hoặc định tính) đóng vai trò là phương tiện đơn giản và tin cậy để đo lường những thay đổi sau khi có một sự can thiệp, hoặc để đánh giá tình hình thực hiện một nhiệm vụ (theo OECD-DAC 2002). Chỉ số (Indicator) là các đo lường được sử dụng để theo dõi việc thực hiện theo thời gian. Mỗi chỉ số là một dấu hiệu đặc trưng của nhiều dữ liệu thô (thu thập trực tiếp từ thực tiễn và chưa qua phép thống kê nào) [12].

**c. Công cụ đánh giá năng lực**

Covacevich (2014) đã đưa ra các gợi ý để lựa chọn công cụ cho đánh giá việc học tập của học sinh. Theo tác giả này, cần có sự nhất quán giữa các mục tiêu đánh giá được xác định và việc lựa chọn các công cụ tương ứng. Một yếu tố quan trọng khi chọn một công cụ đánh giá là sự phù hợp của nó đối với các mục tiêu của đánh giá. Sự liên kết này rất quan trọng vì nó ảnh hưởng đến tính hữu ích của thông tin thu được [13]. Trong các nghiên cứu của mình, Trung tâm Đánh giá và Nghiên cứu thuộc Đại học James Madison (2014) đã chỉ ra rằng, nếu sự liên kết thấp, kết quả đánh giá sẽ mang lại ít hoặc hạn chế thông tin [14]. Do đó, mục đích, nội dung và đối tượng mục tiêu của công cụ phải được xem xét để đảm bảo rằng, chúng phù hợp với mục đích của đánh giá.

Có nhiều cách phân loại khác nhau về các công cụ đánh giá. Chẳng hạn như, Lozano và cộng sự (2008) đề xuất rằng, một cách để phân loại các hệ thống công cụ là dựa trên ý nghĩa của kết quả của các công cụ đó. Tuy nhiên, có 3 cách phân loại các công cụ, đó là công cụ có tham số và phi tham số; công cụ tham chiếu theo chuẩn và công cụ tham chiếu theo tiêu chí; công cụ với câu trả lời mở và công cụ với câu trả lời đóng [15].

**2.2. Xây dựng công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác ở một số nghiên cứu quốc tế**

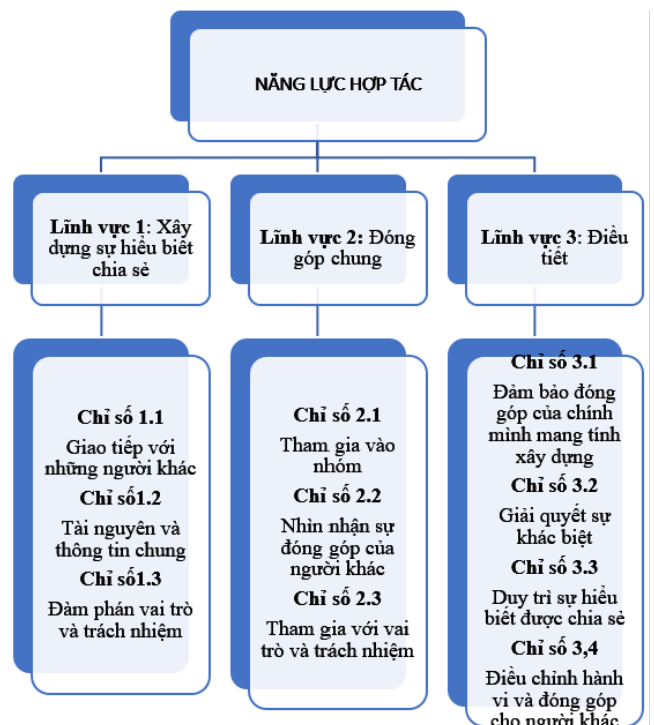
**2.2.1. Xây dựng khung năng lực giáo tiếp, năng lực hợp tác**

Ở Vương quốc Anh, một nhóm nhà nghiên cứu cho rằng năng lực giao tiếp là khả năng truyền đạt thông tin đến người khác để thông điệp được hiểu và mang lại kết quả [13]. Bảy phẩm chất thiết yếu của năng lực giao tiếp là: (A) Hiểu nhu cầu của người khác, (B) Thông điệp truyền đạt rõ ràng, (C) Điều chỉnh phong cách giao tiếp, (D) Sử dụng nhiều phương thức giao tiếp, (E) Xây dựng mạng lưới giao tiếp có ảnh hưởng, (F) Nhận thức về tác động cá nhân, (G) Giải quyết xung đột một cách

quyết đoán. Năng lực giao tiếp của mỗi người được xếp ở năm mức sau: Cao nhất, người học có thể chứng minh rằng, họ đạt được bảy phẩm chất thiết yếu và các kỹ năng đang diễn ra thường xuyên. Ví dụ: Người học (F) Tự nhận thức, quản lý cảm xúc và tôn trọng người khác và (G) Tự tin tạo điều kiện thuận lợi cho các tình huống thử thách trong đó những người tham gia có quan điểm khác nhau và mong muốn những kết quả khác nhau. Thứ hai, người học có thể chứng minh rằng, họ đạt năm phẩm chất thiết yếu và chúng được diễn ra thường xuyên. Ví dụ: Người học (D) Xác định xem giao tiếp trực tiếp hay giao tiếp điện tử sẽ mang lại kết quả mong muốn và (E) Tìm cách phát triển mạng lưới và mở rộng ảnh hưởng của họ. Và mức cuối là người học không thể hiện phẩm chất thiết yếu nào.

Ở Châu Âu, theo ACER, khung đánh giá năng lực hợp tác phải mô tả các mức độ của các chỉ số. Mỗi chiến lược giảng dạy giúp học sinh phát triển năng lực hợp tác tương ứng với mỗi chỉ số [14]. Khung này được mô tả tóm tắt trong sơ đồ dưới (xem Hình 1).

Khi triển khai đánh giá, giáo viên cần tạo chiến lược dạy học phù hợp. Ví dụ, với chỉ số 2.1. *Tham gia vào nhóm*, giáo viên có thể cung cấp cho mỗi người học một nhóm tài nguyên khác nhau, yêu cầu tất cả người học đóng góp vào nhiệm vụ chung của nhóm. Khi đó, tiêu chí đánh giá được thể hiện ở ba mức: *Cao* - Người học tham gia xuyên suốt nhiệm vụ và thử các chiến lược khác nhau hoặc nhiều lần trong các nhiệm vụ khó. *Trung bình* - Người học tham gia vào tất cả các hoạt động cần thiết trong các nhiệm vụ đơn giản duy trì một



Hình 1: Sơ đồ khung năng lực hợp tác

chiến lược duy nhất. *Thấp* - Người học thực hiện nhiệm vụ nhưng không hoàn thành nhiệm vụ. Với chỉ số Chỉ số 3.2. *Giải quyết sự khác biệt*, giáo viên có thể đưa ra một nhiệm vụ học tập dựa trên vấn đề thực tạo ra các quan điểm và ý tưởng giải pháp khác nhau. Khi đó, tiêu chí đánh giá được thể hiện ở ba mức: *Cao* - Người học giải quyết sự khác biệt, giải thích và biện minh cho sự hiểu biết của họ, dẫn đến sự hợp tác tối ưu. *Trung bình* - Người học có thể xác định nguyên nhân và kết quả của xung đột và đưa ra những nỗ lực mang tính xây dựng để giải quyết những khác biệt bằng cách thương lượng, tranh luận và đưa ra quan điểm lập luận. *Thấp* - Người học thảo luận những khác biệt về quan điểm hoặc quan điểm với người khác và cân nhắc kỹ lưỡng quan điểm của người khác. Họ bình luận về sự khác biệt nhưng thường không thể giải quyết chúng.

### 2.2.2. Thiết kế công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác

Indonesia là một trong những nước hiếm hoi có tuyên bố rõ ràng về việc coi năng lực giao tiếp và hợp tác là một năng lực chung cần phát triển cho học sinh trong giai đoạn giáo dục phổ thông.

Dựa trên nghiên cứu được thực hiện bởi các nhà nghiên cứu tại trường trung học công lập quận Pringsewu, Indonesia, giáo viên vẫn chưa đưa ra đánh giá khách quan để đo lường năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh. Việc đánh giá năng lực của học sinh trong quá trình giao tiếp và hợp tác chỉ dựa trên ý kiến của giáo viên nên việc xác định giá trị cuối cùng của việc đạt được kết quả học tập của học sinh là ít khách quan. Giáo viên đã không đánh giá cụ thể các năng lực của học sinh khi giao tiếp và hợp tác bằng cách sử dụng phiếu tự đánh giá vì một số lý do bao gồm: 1) Thiếu các ví dụ về công cụ để đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác; 2) Công cụ đánh giá năng lực hiện có chưa đo lường cụ thể khía cạnh năng lực giao tiếp và hợp tác nói chung; 3) Công cụ đánh giá được sử dụng chỉ sử dụng kỹ thuật quan sát nên giáo viên chưa tối ưu trong việc quan sát năng lực khi giao tiếp và hợp tác của học sinh. Điều này chắc chắn gây bất lợi cho những học sinh thực sự có tiềm năng ở các khía cạnh khác ngoài khía cạnh nhận thức.

Do đó, nhiều công trình nghiên cứu sau đó xác nhận rằng, giáo viên cần có những bộ công cụ đánh giá cụ thể, khoa học và đặc biệt là việc sử dụng chúng một cách hiệu quả. Công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác được sử dụng khi giáo viên tiến hành phương pháp dạy học với sự tham gia một cách tích cực và sáng tạo của học sinh. Một trong những phương pháp dạy học được đánh giá là có thể mạnh trong việc phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh là dạy học dự án. Theo Cameron và cộng sự (2014), dạy học dự án (PjBL) là một phương pháp dạy học phù hợp để rèn

luyện năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh [16].

Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu của Ayu (2019) đã phát triển một công cụ đánh giá các năng lực giao tiếp và hợp tác dựa trên dạy học dự án để xác định mức độ hợp lệ, tính thực tế và hiệu quả của công cụ [17]. Quy trình nghiên cứu và xây dựng công cụ đánh giá được Ayu (2019) thực hiện bao gồm các bước sau: 1/ Nghiên cứu và thu thập thông tin; 2/ Lập kế hoạch; 3/ Phát triển sơ bộ công cụ; 4/ Thử nghiệm sơ bộ; 5/ Điều chỉnh công cụ; 6/ Thử nghiệm chính thức; 7/ Hoàn thiện công cụ. Công cụ đánh giá năng lực đã được phát triển bao gồm một số thành phần như bảng tự đánh giá, phiếu tự đánh giá và hướng dẫn chấm điểm. Các công cụ đánh giá khác đã được phát triển là những công cụ hướng tới quá trình thực hiện của học sinh trong dạy học dựa trên vấn đề được phát triển để đánh giá tổng kết. Các công cụ đánh giá xem xét bốn thành phần năng lực là: 1) Tham gia và giao tiếp, 2) Hợp tác hoặc xây dựng nhóm, 3) Hiểu hoặc lập luận, 4) Thu thập kiến thức và thông tin. Sim (2006) cho rằng, hình thức của công cụ được phát triển dưới dạng một phiếu quan sát để người quan sát có thể quan sát quá trình làm việc của học sinh [18].

Với cách làm như trên, các nhà nghiên cứu tại Indonesia đã đưa ra công cụ tự đánh giá, gồm phiếu tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng, để đo lường năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh (Đây là một công cụ nằm trong bộ công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác) gồm hai thành phần năng lực là giao tiếp và hợp tác. Thành phần năng lực hợp tác gồm ba thành tố với chỉ số tương ứng là: 1) Đóng góp - đưa ra ý tưởng rõ ràng dựa trên nghiên cứu tài liệu liên quan đến thiết kế dự án; 2) Quản lý thời gian - biết phân công công việc theo nhóm, khi suy tầm tài liệu không làm kéo dài thời gian làm việc của nhóm; 3) Kỹ thuật nghiên cứu - ghi lại thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như sách và internet một cách chi tiết về thiết kế dự án. Thành phần năng lực giao tiếp gồm năm thành tố với chỉ số tương ứng là: 1) Cởi mở - thảo luận với bạn bè để lên ý tưởng về thiết kế ban đầu của sản phẩm dự án sẽ thực hiện; 2) Đồng cảm - biết lắng nghe khi bạn tôi đưa ra ý kiến về thiết kế ban đầu của sản phẩm sẽ thực hiện; 3) Hỗ trợ - giúp làm rõ ý kiến của bạn bè liên quan đến thiết kế ban đầu của sản phẩm sẽ được thực hiện; 4) Tích cực - xin ý kiến liên quan đến thiết kế sơ bộ của sản phẩm sẽ thực hiện; 5) Bình đẳng - thấy thoải mái khi thảo luận với bạn bè về thiết kế sản phẩm ban đầu sẽ thực hiện.

Thực tế thử nghiệm và triển khai công cụ trên tại trường học ở Indonesia cho thấy tính khả thi và hiệu quả của bộ công cụ vừa có giá trị trong việc rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh trong dạy học dự án, vừa có giá trị trong việc đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác.

Mặt khác, tại Indonesia đã có nhiều nghiên cứu và triển

khai tại các nhà trường các công cụ đánh giá năng lực/kỹ năng giao tiếp, hợp tác khi phát triển bộ công cụ đánh giá các kỹ năng 4C nói chung. Trong đó, các kỹ năng thế kỷ XXI do Hiệp hội Giáo dục Quốc gia (2012) thiết kế gọi tắt là 4C bao gồm: giao tiếp, hợp tác, tư duy phê phán và tư duy sáng tạo (communication, collaboration, critical thinking, and creative thinking ability) [13]. Đặc biệt, giai đoạn học tập trực tuyến do đại dịch COVID, các nhà khoa học tại Indonesia đã phát triển các công cụ đánh giá gồm bảng hỏi học sinh, bài kiểm tra, phiếu tự đánh giá để đo lường kỹ năng 4C trong hoạt động thảo luận trực tuyến trong các môn học, trong đó bao gồm môn khoa học [14]. Các tác giả đã đưa ra các thành tố và chỉ số năng lực/kỹ năng giao tiếp, hợp tác. Với năng lực/kỹ năng giao tiếp, các thành tố và chỉ số tương ứng gồm: 1) Giao tiếp bằng văn bản - Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản trên các diễn đàn thảo luận trực tuyến; 2) Giao tiếp tích cực và hiệu quả với người khác - tần suất và tính tích cực trong giao tiếp; 3) Làm việc trong các nhóm khác nhau - khả năng làm việc một cách hiệu quả và có trách nhiệm. Với năng lực/kỹ năng giao tiếp, các thành tố và chỉ số tương ứng gồm: 1) Vai trò của cá nhân trong các nhóm - khả năng lựa chọn thời điểm, nội dung chia sẻ; khả năng lập kế hoạch, tổ chức và hoàn thành mục tiêu của nhóm; giám sát, tổ chức linh hoạt khi có trở ngại do diễn biến ngoài dự kiến; 2) Tôn trọng các thành viên trong nhóm - nhận thức đầy đủ về lời nói và thống nhất với mục tiêu của; lắng nghe người khác một cách cẩn thận, kiên nhẫn và trung thực; Tôn trọng sự khác biệt của đồng đội trong việc đưa ra ý tưởng mới; 3) Ưu tiên các mục tiêu của nhóm - Góp phần nâng cao sự đổi mới và chất lượng làm việc theo nhóm; Ưu tiên, lập kế hoạch và quản lý việc phân chia nhiệm vụ để đạt được kết quả mong muốn của nhóm; Sử dụng các kỹ năng giao tiếp để gây ảnh hưởng và hướng các thành viên trong nhóm tới các mục tiêu chung; 4) Đóng góp vào việc đạt được mục tiêu của nhóm - Sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề để gây ảnh hưởng và hướng các thành viên trong nhóm tới các mục tiêu chung; Tương tác với tinh thần cởi mở; Hành động có trách nhiệm vì lợi ích của cộng đồng lớn hơn.

### 2.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Qua phân tích ở trên cho thấy, đã có nhiều nghiên cứu trên thế giới về năng lực giao tiếp và hợp tác. Khi nhận mạnh tầm quan trọng của năng lực giao tiếp, rất khó để tách chúng ra khỏi năng lực hợp tác, nghĩa là chúng luôn song hành và bổ trợ cho nhau. Năng lực giao tiếp và hợp tác được phát triển và đánh giá trong các hoạt động chung, trong từng môn học. Trong mỗi hoạt động/môn học, khi giáo viên áp dụng các phương pháp dạy học khác nhau sẽ có cơ hội để phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cũng như cơ hội đánh giá học sinh ở

mức độ khác nhau. Các phương pháp dạy học có nhiều cơ hội giúp phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh là những phương pháp dạy học dạy học hiện đại, tích cực; trong đó, học sinh là chủ thể, là trung tâm của quá trình dạy học. Học sinh sẽ được tham gia vào các hoạt động có thể rèn luyện tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng hợp tác và giao tiếp.

Những kết luận trên là một trong những cơ sở lý luận quan trọng cho việc vận dụng xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh trong thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nói chung, trong thực hiện môn Khoa học tự nhiên nói riêng. Một số nội dung cơ bản để xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh gồm: Thứ nhất, xác định quan niệm/định nghĩa về năng lực giao tiếp và hợp tác (trong các hoạt động chung hay trong một môn học. Ví dụ, năng lực giao tiếp và hợp tác trong môn Khoa học tự nhiên); Thứ hai, phân tích/xác định khung năng lực giao tiếp và hợp tác (các thành tố, chỉ số và các mức độ tương ứng); Thứ ba, thiết kế/xây dựng bộ công cụ (mỗi công cụ đảm bảo các/một số chỉ số trong mỗi thành tố; gắn với bối cảnh dạy học (Với môn Khoa học tự nhiên, bối cảnh gắn với các nội dung khoa học và ứng dụng của chúng trong thực tiễn); gắn với phương pháp tác động vào đối tượng người học (Dạy học dự án, giải quyết vấn đề...); gồm nhiều công cụ để có thể đánh giá công bằng mọi học sinh (Phiếu quan sát của giáo viên, phiếu tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh, bảng hỏi học sinh, bài kiểm tra).

### 3. Kết luận

Năng lực giao tiếp và hợp tác có tầm quan trọng hàng đầu đối với hiệu quả học tập, làm việc của mỗi cá nhân. Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác là một trong những mục tiêu giáo dục hàng đầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Mặc dù là một trong các kỹ năng được học sớm, phát triển những kỹ năng giao tiếp và hợp tác luôn có tiềm năng tiếp tục cải thiện trong suốt cuộc đời của mỗi cá nhân. Do đó, xây dựng bộ công cụ đánh giá cũng như xác định các phương pháp tác động để phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác trong mọi hoạt động, môn học là việc cần được quan tâm nghiên cứu sâu và cụ thể. Việc nghiên cứu các kinh nghiệm quốc tế về năng lực giao tiếp và hợp tác giúp chúng ta có cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về các khía cạnh của năng lực này, từ đó có những cơ sở tin cậy cho các đề xuất được hợp lý, khoa học.

**Lời cảm ơn:** Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài B2022. VKG. 06: “Nghiên cứu xây dựng công cụ đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh cấp Trung học cơ sở”.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Hymes, D.H., (1971), *On Communicative Competence*, In: J.B. Pride and J. Holmes (eds) *Sociolinguistics*, Penguin Books, Harmondsworth.
- [2] Savignon, S. J., (2018), Communicative competence, *The TESOL encyclopedia of English language teaching*, 1-7.
- [3] Brown, C. E., Back, A. L., Ford, D. W., Kross, E. K., Downey, L., Shannon, S. E.,... & Engelberg, R. A., (2018), Self-assessment scores improve after simulation-based palliative care communication skill workshops, *American Journal of Hospice and Palliative Medicine*, 35(1), 45-51.
- [4] Pratama, A. I., & Astuti, B., (2020), Students' communication skills in junior high school, *Universal Journal of Educational Research*, 8(12), 6798-6807.
- [5] Elaine, Gereluk, Dressler, Roswita; Sandra, Eaton, Sarah; Dianne; Dressler; Becker, (April 30, 2017), *A rural education teacher preparation program: course design, student support and engagement*.
- [6] <https://theo-dawson.medium.com/vuca-unpacked-2-collaborative-capacity-4d794378dd25>.
- [7] European Union Agency for the Cooperation of Energy Regulators, (2020), *Competency Framework*, <https://www.acer.europa.eu/>
- [8] Sharma, A., & Anderson, C. W., (2009), Recontextualization of science from lab to school: Implications for science literacy, *Science & Education*, 18, 1253-1275.
- [9] De Vito, C. L., (1992), Languages based on science, *Acta Astronautica*, 26(3-4), 267-271.
- [10] Sih, A., Bell, A. M., Johnson, J. C., & Ziemba, R. E., (2004), Behavioral syndromes: an integrative overview, *The quarterly review of biology*, 79(3), 241-277.
- [11] Slaviny, R. E., & Davis, N., (2006), *Educational psychology: Theory and practice*.
- [12] Oecd, D., (2002), Glossary of key terms in evaluation and results based management, *DAC Network on Development Evaluation, OECD, Paris*.
- [13] Covacevich, C., (2014), *How to select an instrument for assessing student learning*.
- [14] Mayhew, F., Swartz, N., & Taylor, J. A., (2014), Implementing a multi-method competency model: Experiences of the MPA program at James Madison University, *Journal of Public Affairs Education*, 20(3), 321-334.
- [15] Lozano, L. M., García-Cueto, E., & Muñiz, J., (2008), Effect of the number of response categories on the reliability and validity of rating scales, *Methodology*, 4(2), 73-79.
- [16] Cameron, S., & Craig, C., (2014), *Project-based learning tasks for common core state standards, grades 6-8*, Mark Twain Media.
- [17] Ayu NOVIANA, A. N., & Undang Rosidin, U. R. Development and Validation of Collaboration and Communication Skills Assessment Instruments Based on Project-Based Learning, *Journal of Gifted Education and Creativity*.
- [18] Sims, L., & Walsh, D., (2009), Lesson study with preservice teachers: Lessons from lessons, *Teaching and teacher education*, 25(5), 724-733.
- [19] <https://www.makingbusinessmatter.co.uk/wp-content/uploads/2016/07/MBM-Competency-Frameworks-Soft-Skills-Communication-Skills-DAS-13-07-16.pdf>
- [20] European Union Agency for the Cooperation of Energy Regulators, (2020), <https://www.acer.europa.eu/>
- [21] National Education Association, (2012), *Preparing 21st century students for a global society: An educator's guide to the "Four Cs"*, National Education Association.
- [22] Maryuningsih, Y., Hidayat, T., Riandi, R., & Rustaman, N., (2020), developing performance assessment instruments to measure 4C skills in online discussion activities of science learning, *Scientiae Educatia: Jurnal Pendidikan Sains*, 9(1), 109-120.

## INTERNATIONAL EXPERIENCES IN BUILDING TOOLS FOR EVALUATING COMMUNICATIVE AND COLLABORATIVE COMPETENCIES OF SCHOOL STUDENTS

Nguyễn Thị Thanh\*<sup>1</sup>, Phan Thị Bích Lợi<sup>2</sup>,  
Hà Thị Thúy<sup>3</sup>

\* Corresponding author

<sup>1</sup> Email: thanhnt@gesd.edu.vn

<sup>2</sup> Email: loiptb@gesd.edu.vn

<sup>3</sup> Email: thuyht@gesd.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
101 Tran Hung Dao street, Hoan Kiem district,  
Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** As we implement the 2018 General Education Curriculum, it's important to develop tools to assess communicative and collaborative competency. These tools will help us create support systems for teachers and students, and ensure quality-based evaluation. Our goal is to create a transparent, accurate, and user-friendly toolkit that researchers and teachers can use. This article explores the experiences of some countries/regions, such as England, Indonesia, and some European countries, concerning the concept of communicative and cooperative competencies and developed tools to assess them. Based on their experiences, the article provides feedback and recommendations for building tools to assess these competencies for high school students as we implement the 2018 General Education Curriculum.

**KEYWORDS:** Communicative and collaborative competency, sciences, assessment tool, competency assessment tool.